

Trường: Agentra

Tổ: Công nghệ thông tin

Họ và tên giáo viên: Phúc Hảo

VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ NHÂN TỐ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Môn: Địa lí Lớp: 10

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học, học sinh:

- Trình bày được vai trò của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đối với nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội.
- Phân tích được các đặc điểm cơ bản của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Xác định và phân tích được các nhân tố tự nhiên và kinh tế – xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Về năng lực

a) *Năng lực chung:*

- **Tự chủ và tự học:** Chủ động nghiên cứu sách giáo khoa, khai thác tài liệu để tìm hiểu vai trò và đặc điểm của các ngành nông, lâm, thủy sản.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Thảo luận nhóm, phân công nhiệm vụ, trình bày kết quả trước lớp, lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn một cách xây dựng.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Vận dụng kiến thức bài học để giải thích một số hiện tượng địa lí nông nghiệp trong thực tiễn; đề xuất biện pháp khắc phục hạn chế của sản xuất nông nghiệp.

b) *Năng lực đặc thù (Địa lí):*

- **Nhận thức khoa học địa lí:** Hiểu và trình bày được vai trò, đặc điểm, nhân tố ảnh hưởng đến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; sử dụng đúng thuật ngữ địa lí kinh tế.

- **Tìm hiểu địa lí:** Khai thác thông tin từ bảng số liệu, hình ảnh, lược đồ về phân bố và sản lượng sản xuất nông, lâm, thủy sản; biết đọc, phân tích số liệu thống kê ngành.
- **Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:** Liên hệ thực tiễn địa phương và vùng lãnh thổ Việt Nam về tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản; giải thích sự phân bố không đều của các ngành.

c) *Năng lực số phát triển qua bài:*

- **Khai thác dữ liệu và thông tin số:** Học sinh sử dụng công cụ tìm kiếm trực tuyến để tra cứu số liệu đóng góp GDP của ngành nông, lâm, thủy sản Việt Nam trên trang web của Tổng cục Thống kê (gso.gov.vn) hoặc Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (fao.org); biết ghi rõ nguồn trích dẫn và nhận xét mức độ tin cậy của thông tin tìm được, không sử dụng số liệu từ nguồn vô danh hoặc chưa kiểm chứng.

3. Về phẩm chất

- **Chăm chỉ:** Tích cực học tập, nghiên cứu tài liệu, hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao trong và ngoài lớp.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức bảo vệ tài nguyên đất, nước, rừng; sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất bền vững; nhận thức trách nhiệm công dân trong bảo vệ môi trường nông nghiệp.
- **Yêu nước:** Trân trọng giá trị sản xuất nông nghiệp truyền thống; tự hào về sự đóng góp của ngành nông, lâm, thủy sản vào phát triển kinh tế đất nước và bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa Địa lí 10 (Chương trình GDPT 2018); bản đồ phân bố các ngành nông, lâm, thủy sản thế giới và Việt Nam; tập hình ảnh và video ngắn minh họa hoạt động sản xuất nông nghiệp (cánh đồng lúa, vườn cây ăn quả), khai thác lâm sản (rừng nhiệt đới, khai thác gỗ) và đánh bắt, nuôi trồng thủy sản (tàu cá, ao nuôi tôm); phiếu học tập nhóm (4 phiếu theo 4 chủ đề: vai trò, đặc điểm, nhân tố tự nhiên, nhân tố kinh tế – xã hội); phiếu luyện tập cá nhân; máy tính, máy chiếu; đường dẫn đã chuẩn bị sẵn tới gso.gov.vn và fao.org.
- **Học sinh:** Sách giáo khoa Địa lí 10; vở ghi; điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng (nếu có) để tra cứu số liệu trong hoạt động nhóm theo hướng dẫn của giáo viên.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu – Khởi động (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Tạo tình huống có vấn đề, kích thích sự tò mò và huy động vốn hiểu biết ban đầu của học sinh về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; dẫn dắt tự nhiên vào bài mới.

b) **Nội dung:** Giáo viên chiếu 3–4 hình ảnh lên màn hình: cánh đồng lúa chín vàng, người thợ khai thác gỗ trong rừng, ngư dân kéo lưới trên biển, ao nuôi tôm công nghiệp. Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi: *“Các hoạt động trong hình ảnh thuộc ngành kinh tế nào? Theo em, mỗi ngành đó mang lại lợi ích gì cho cuộc sống con người?”*

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời ban đầu (chưa cần chính xác hoàn toàn) của học sinh về tên ba ngành và một vài vai trò sơ bộ của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong đời sống; tạo nhu cầu học tập rõ ràng cho học sinh.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu 4 hình ảnh minh họa lên màn hình, giới thiệu ngắn bối cảnh mỗi ảnh. - GV đặt câu hỏi khởi động: <i>“Các hoạt động trong ảnh thuộc ngành nào? Ngành đó mang lại lợi ích gì?”</i> - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân trong 1 phút trước khi phát biểu.	- HS quan sát hình ảnh, sẵn sàng trả lời câu hỏi. - HS nhận ra có ba ngành khác nhau được thể hiện qua hình ảnh.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân (khoảng 1 phút). - GV quan sát thái độ học sinh, không gợi ý quá sâu để HS tự huy động vốn hiểu biết sẵn có.	- HS nhận diện được hoạt động nông nghiệp (trồng lúa), lâm nghiệp (khai thác gỗ) và thủy sản (đánh bắt, nuôi trồng). - HS có thể nêu sơ bộ một vài vai trò: cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu...

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời 2–3 HS phát biểu ý kiến trước lớp. - GV ghi nhanh các ý kiến lên bảng để cả lớp cùng tham khảo. - GV khuyến khích HS khác bổ sung hoặc phản biện ý kiến của bạn.	- HS nêu được tên ba ngành và một số vai trò ban đầu. - Lớp có danh sách ý kiến đa dạng trên bảng, chưa được hệ thống hoá.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét sơ bộ, xác nhận những ý kiến đúng hướng, chưa chốt đáp án đầy đủ. - GV dẫn dắt: <i>“Để hiểu rõ và đầy đủ hơn về vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến ba ngành này, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.”</i>	Kết quả: HS hứng thú với nội dung bài học; có câu hỏi cần giải đáp rõ ràng; sẵn sàng bước vào hoạt động khám phá kiến thức mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (25 phút)

a) Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đối với nền kinh tế và đời sống xã hội.
- Phân tích được các đặc điểm cơ bản của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Xác định và phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và kinh tế – xã hội đến phát triển, phân bố các ngành.
- (Năng lực số) Khai thác và đánh giá thông tin, dữ liệu số từ nguồn trực tuyến đáng tin cậy để minh họa vai trò của ngành.

b) Nội dung: Học sinh làm việc nhóm (4 nhóm), mỗi nhóm nghiên cứu sách giáo khoa kết hợp tra cứu số liệu trực tuyến để hoàn thành phiếu học tập theo nội dung phân công:

- **Nhóm 1 – Vai trò:** Vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đối với nền kinh tế và đời sống; tìm một số liệu cụ thể (tỉ trọng GDP, kim ngạch xuất khẩu) từ gso.gov.vn hoặc fao.org.
- **Nhóm 2 – Đặc điểm:** Các đặc điểm cơ bản của sản xuất nông, lâm, thủy sản (tư liệu sản xuất, đối tượng sản xuất, tính mùa vụ, sự phụ thuộc tự nhiên).

- **Nhóm 3 – Nhân tố tự nhiên:** Ảnh hưởng của đất, khí hậu, nguồn nước, sinh vật đến sản xuất và phân bố nông, lâm, thủy sản.
- **Nhóm 4 – Nhân tố kinh tế – xã hội:** Ảnh hưởng của dân số và lao động, thị trường tiêu thụ, vốn đầu tư, tiến bộ khoa học – kĩ thuật, chính sách Nhà nước đến các ngành.

Tích hợp năng lực số (NLS): Trong khi hoàn thành phiếu học tập, GV hướng dẫn HS (đặc biệt Nhóm 1) sử dụng điện thoại thông minh tra cứu số liệu đóng góp GDP của ngành nông, lâm, thủy sản Việt Nam trên gso.gov.vn hoặc số liệu toàn cầu trên fao.org; HS ghi rõ tên trang web, năm công bố số liệu và đánh giá ngắn gọn về độ tin cậy của nguồn đó (cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế hay trang web cá nhân).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của bốn nhóm với nội dung cụ thể, rõ ràng:

- **Vai trò:** Cung cấp lương thực, thực phẩm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; tạo nguồn hàng xuất khẩu có giá trị; thu hút và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; bảo vệ môi trường và hệ sinh thái; đóng góp vào GDP quốc gia (kèm số liệu minh họa từ nguồn tin cậy).
- **Đặc điểm:** Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế; đối tượng sản xuất là cây trồng và vật nuôi (sinh vật sống, có chu kì sinh trưởng riêng); sản xuất mang tính mùa vụ rõ rệt; phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên (khí hậu, đất, nước); có thể tổ chức ở quy mô hộ gia đình hoặc doanh nghiệp quy mô lớn.
- **Nhân tố tự nhiên:** Đất (độ phì, diện tích, loại đất phù hợp với từng cây trồng/vật nuôi); khí hậu (chế độ nhiệt, ẩm, ánh sáng, lượng mưa); nguồn nước (nước mặt, nước ngầm phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản); sinh vật (giống cây trồng, giống vật nuôi bản địa và nhập nội).
- **Nhân tố kinh tế – xã hội:** Dân số và lao động (cung cấp nhân lực, tạo cầu lương thực); thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế; vốn đầu tư (cơ sở hạ tầng, máy móc, giống); tiến bộ khoa học – kĩ thuật (giống mới, cơ giới hoá, công nghệ tưới tiêu); chính sách nông nghiệp của Nhà nước (hỗ trợ vốn, thuế, đất đai).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu học tập có hệ thống câu hỏi theo chủ đề từng nhóm. - GV chiếu lên màn hình đường dẫn gso.gov.vn và fao.org, hướng dẫn cách tra cứu số liệu và yêu cầu ghi rõ nguồn trích dẫn. - GV nêu thời gian thảo luận: 8–10 phút; sau đó mỗi nhóm có 2 phút trình bày.	- HS nhận phiếu học tập, phân công nhiệm vụ trong nhóm (nhóm trưởng, thư ký, người tra cứu số liệu, người trình bày). - HS mở SGK và chuẩn bị dụng cụ tra cứu trực tuyến theo hướng dẫn.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK, thảo luận nhóm và điền vào phiếu học tập (8–10 phút). - Nhóm 1 đồng thời tra cứu số liệu trực tuyến, ghi tên nguồn và nhận xét độ tin cậy vào ô dành riêng trong phiếu. - GV di chuyển quan sát, hỗ trợ nhóm gặp khó khăn; nhắc HS tập trung vào nhiệm vụ học tập khi dùng điện thoại.	- Các nhóm hoàn thành phiếu học tập với nội dung đầy đủ. - Nhóm 1 ghi được ít nhất một số liệu tin cậy (ví dụ: ngành nông, lâm, thủy sản đóng góp khoảng 11–12% GDP Việt Nam năm gần nhất theo gso.gov.vn) kèm đánh giá nguồn.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện từng nhóm lần lượt trình bày kết quả (khoảng 2 phút/nhóm). - Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi phản biện. - GV điều phối thảo luận, ghi bổ sung ý kiến quan trọng lên bảng.	- HS trình bày mạch lạc nội dung của nhóm, sử dụng được số liệu minh họa. - Lớp nhận xét, bổ sung, qua đó hiểu đầy đủ cả bốn nội dung: vai trò, đặc điểm, nhân tố tự nhiên, nhân tố KT–XH.

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức trọng tâm lên bảng/slide theo từng nội dung. - GV nhận xét cách HS khai thác số liệu số, nhấn mạnh kĩ năng đánh giá độ tin cậy thông tin. - GV đặt câu hỏi mở rộng: “<i>Nhân tố nào bạn cho là quyết định nhất đối với thủy sản Việt Nam? Vì sao?</i>”	Kiến thức trọng tâm: Vai trò: Đảm bảo an ninh lương thực; nguyên liệu CN chế biến; hàng xuất khẩu; giải quyết việc làm; bảo vệ môi trường. Đặc điểm: Đất là tư liệu sản xuất chủ yếu; đối tượng là sinh vật sống; tính mùa vụ; phụ thuộc tự nhiên. Nhân tố tự nhiên: Đất – khí hậu – nước – sinh vật. Nhân tố KT–XH: Dân số/lao động – thị trường – vốn – KH–KT – chính sách.
--	---

Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)

a) Mục tiêu: củng cố và khắc sâu kiến thức vừa học về vai trò, đặc điểm và nhân tố ảnh hưởng đến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; rèn luyện kĩ năng phân tích, lập luận và vận dụng kiến thức địa lí để giải thích hiện tượng thực tiễn.

b) Nội dung: Học sinh làm việc cá nhân, trả lời 3 câu hỏi ngắn trong phiếu luyện tập (GV chiếu đồng thời lên màn hình):

1. Kể tên 3 vai trò quan trọng nhất của ngành nông nghiệp đối với đời sống kinh tế – xã hội. Giải thích ngắn gọn vì sao em cho đó là quan trọng nhất.
2. Trong các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, đặc điểm nào gây khó khăn nhiều nhất cho người sản xuất? Đề xuất một biện pháp cụ thể để khắc phục.
3. Cho biết nhân tố nào (tự nhiên hoặc kinh tế – xã hội) có ảnh hưởng lớn nhất đến sự phát triển thủy sản ở Việt Nam. Lí giải.

c) Sản phẩm: Phiếu luyện tập cá nhân hoàn chỉnh, thể hiện sự hiểu biết vững về nội dung bài; đáp án gợi ý:

- Câu 1: Ba vai trò nổi bật: (1) cung cấp lương thực, thực phẩm – nền tảng đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; (2) cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến – thúc đẩy công nghiệp hoá; (3) tạo nguồn thu ngoại tệ lớn từ xuất khẩu nông sản (gạo, cà phê, tôm, cá).
- Câu 2: Tính mùa vụ – gây dư thừa lao động nông thôn theo mùa và áp lực bảo quản, tiêu thụ nông sản; biện pháp: đa dạng hoá lịch thời vụ và phát triển ngành nghề phi nông nghiệp trong thời gian nông nhàn, đầu tư kho lạnh bảo quản.
- Câu 3: Nguồn nước và bờ biển dài – Việt Nam có đường bờ biển dài trên 3 260 km, nhiều ngư trường lớn (Hoàng Sa, Trường Sa, vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan), hệ thống sông ngòi dày đặc tạo điều kiện nuôi trồng thủy sản nước ngọt quy mô lớn.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu luyện tập, đồng thời chiếu 3 câu hỏi lên màn hình. - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trong khoảng 5 phút; không tra SGK; viết câu trả lời ngắn gọn nhưng đủ ý, có lí giải. - GV lưu ý: câu trả lời cần thể hiện cách lập luận, không chỉ liệt kê.	- HS nhận phiếu luyện tập, hiểu rõ yêu cầu và sẵn sàng làm bài cá nhân.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và trả lời 3 câu hỏi trong phiếu (khoảng 5 phút). - GV quan sát, ghi nhận những HS gặp khó khăn để hỗ trợ trong phần chữa bài.	- HS hoàn thành phiếu luyện tập cá nhân với câu trả lời dựa trên kiến thức vừa học. - HS tự tin trình bày lập luận của mình trước khi nghe chữa bài.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời 3 HS (mỗi em trả lời 1 câu) trình bày trước lớp. - Các HS khác nhận xét, bổ sung hoặc nêu ý kiến khác biệt. - GV khuyến khích tranh luận có căn cứ, không phán xét sai/đúng ngay lập tức.	- HS nghe bạn trình bày, đối chiếu với bài làm của mình. - Lớp thảo luận và dần thống nhất đáp án đúng, đầy đủ cho từng câu hỏi.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét chất lượng bài làm cả lớp, chỉ ra lỗi sai phổ biến (thường ở câu 2: chưa đề xuất biện pháp cụ thể; câu 3: chưa lí giải được vì sao nhân tố đó quan trọng nhất). - GV nhấn mạnh lại ba ý trọng tâm của tiết học.	Đáp án chốt: Câu 1: An ninh lương thực; nguyên liệu CN chế biến; nguồn thu ngoại tệ. Câu 2: Tính mùa vụ – khắc phục bằng đa dạng hoá thời vụ và ngành nghề. Câu 3: Nguồn nước/bờ biển dài (bờ biển Việt Nam > 3 260 km, nhiều ngư trường lớn).

Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học về nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông, lâm, thủy sản để phân tích một tình huống thực tiễn cụ thể ở Việt Nam; phát triển tư duy địa lí và kết nối bài học với thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung: Giáo viên giao bài tập vận dụng (học sinh hoàn thành ở nhà, nộp vào tiết sau):
“Dựa vào kiến thức đã học, em hãy giải thích tại sao vùng đồng bằng sông Cửu Long lại có ngành thủy sản (nuôi trồng và đánh bắt) phát triển mạnh nhất cả nước. Nêu ít nhất hai nhân tố tự nhiên và một nhân tố kinh tế – xã hội có vai trò quyết định. Trình bày bằng đoạn văn ngắn từ 5 đến 7 câu, ghi rõ nguồn số liệu nếu có sử dụng.”

c) Sản phẩm: Đoạn văn ngắn (5–7 câu) của học sinh, trong đó:

- Nêu đúng ít nhất hai nhân tố tự nhiên thuận lợi: hệ thống sông ngòi và kênh rạch dày đặc (sông Mê Kông và các phụ lưu) tạo điều kiện nuôi trồng thủy sản nước ngọt; khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ổn định, nhiệt độ cao quanh năm phù hợp với nhiều loài thủy sản;

vùng biển rộng tiếp giáp Biển Đông và vịnh Thái Lan giàu hải sản tự nhiên.

- Nêu ít nhất một nhân tố kinh tế – xã hội: lực lượng lao động đông, có kinh nghiệm nuôi trồng và đánh bắt thủy sản lâu đời; thị trường tiêu thụ lớn trong nước và xuất khẩu (tôm, cá tra, cá ba sa là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực); cơ sở hạ tầng chế biến thủy sản ngày càng phát triển.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu câu hỏi vận dụng về đồng bằng sông Cửu Long lên màn hình. - GV hướng dẫn: HS viết đoạn văn ngắn 5–7 câu, nêu rõ nhân tố tự nhiên và KT–XH, ghi nguồn số liệu nếu có; nộp lại vào đầu tiết học sau. - GV khuyến khích HS có thể tra cứu thêm tại mard.gov.vn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tìm số liệu minh họa.	- HS hiểu yêu cầu bài tập vận dụng, ghi đề bài vào vở. - HS biết nguồn tài liệu tham khảo đáng tin cậy để hoàn thành bài ở nhà.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ sơ bộ về các nhân tố liên quan đến đồng bằng sông Cửu Long (có thể trao đổi nhanh 1 phút với bạn bên cạnh). - GV nhắc HS liên hệ kiến thức về nhân tố tự nhiên và KT–XH vừa được học trong Hoạt động 2.	- HS phác thảo được ý chính cần trình bày trong bài viết: sông ngòi – khí hậu – vùng biển – lao động – thị trường. - HS nhớ lại các đặc điểm tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long có lợi cho thủy sản.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời 1–2 HS chia sẻ ý tưởng ban đầu (không bắt buộc hoàn chỉnh). - GV nhận xét hướng tiếp cận, gợi mở thêm cho HS về cách triển khai đoạn văn phân tích nhân tố.	- HS nhận được định hướng cụ thể để hoàn thiện bài viết ở nhà. - Lớp có gợi ý ban đầu về cách phân tích nhân tố tự nhiên và KT–XH theo bố cục rõ ràng.

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV tổng kết toàn bộ bài học: vai trò, đặc điểm, nhân tố ảnh hưởng là ba trục kiến thức cốt lõi cần nắm vững. - GV nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện tự nhiên, điều kiện KT–XH và sự phát triển bền vững của nông, lâm, thủy sản. - GV dặn dò: hoàn thành bài viết vận dụng, đọc trước nội dung tiếp theo trong SGK.	Định hướng sản phẩm: ĐBSCL phát triển thủy sản mạnh nhờ: (1) Tự nhiên: sông ngòi – kênh rạch dày đặc; khí hậu nhiệt đới ẩm ổn định; vùng biển giàu hải sản. (2) KT–XH: lao động đông, kinh nghiệm lâu đời; thị trường xuất khẩu lớn (tôm, cá tra, cá ba sa); hạ tầng chế biến phát triển.
---	--

....., ngàythángnăm

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phúc Hảo